

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15 /2021/HNGĐ-PT

Ngày: 18-6-2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quyền
Các Thẩm phán: Ông Trương Hoài Bình
Bà Bùi Thị Cẩm Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lâm Thành Them- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2021/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2020 về việc “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/HNGĐ-ST ngày 26/01/2021 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 46/2021/QĐPT-HNGĐ ngày 06 tháng 04 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Tấn Th**, sinh năm 1988

HKTT: Q. C, Tp. Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: Đường H, Q. C, Tp. Cần Thơ. Có mặt

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Ngọc Thu T**, sinh năm 1985; địa chỉ: Q. Cái R, Tp. Cần Thơ. Có mặt

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Tấn Th và bà Nguyễn Ngọc Thu T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn ông Nguyễn Tấn Th trình bày và yêu cầu:

Ông và bà T kết hôn vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận Th vào ngày 22/4/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2020. Ông

cũng đã một lần nộp đơn xin ly hôn nhưng vì muốn cho cả hai cơ hội hàn gắn nên ông đã rút đơn kiện. Tuy nhiên tình hình vẫn không cải thiện nên lần này ông tiếp tục nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Tấn T (nam), sinh 15/01/2014 và Nguyễn Ngọc Ph Tr (nữ), sinh 03/6/2016. Hiện 02 cháu đang sống cùng bà T. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi cháu T, cháu Tr sẽ giao bà T nuôi và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng sẽ tự thỏa thuận giải quyết. Nếu có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ, quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải tại cấp sơ thẩm bà Thu T trình bày:

Bà thống nhất vợ chồng cưới nhau vào năm 2011. Có đăng ký kết hôn tại UBND phường Th vào ngày 22/4/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ khi chồng làm ăn thất bại thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng chưa bao giờ bà nghĩ đến chuyện ly hôn. Bà cũng muốn con có đủ cha mẹ để cùng nhau nuôi dưỡng, dạy dỗ con cái. Hơn nữa bà vẫn còn tình cảm với chồng nên muốn được đoàn tụ.

Về con chung: Thống nhất vợ chồng có 02 con chung như ông Th trình bày. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay 02 cháu đều do bà nuôi dưỡng. Nếu buộc phải ly hôn bà yêu cầu được nuôi cả 02 con. Yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đồng/cháu.

Tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng sẽ tự thỏa thuận giải quyết. Nếu có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 01/2021/HNGĐ-ST ngày 12/01/2021 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Tấn Th được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc Thu Th.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Tấn T (nam), sinh 15/01/2014 và Nguyễn Ngọc Phúc Tr (nữ), sinh 03/6/2016 cho bà Nguyễn Ngọc Thu T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Tấn Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng/01. Thời hạn cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Th theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tách ra nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Th kháng cáo yêu cầu được nuôi 02 con do bà T ngăn cản việc ông thăm nom con chung; bà Thu T kháng cáo yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ/01 con, yêu cầu cấp dưỡng một lần, ngoài ra yêu cầu tòa án xem xét lại việc tổng đạt xét xử, bà không nhận được giấy triệu tập tham gia phiên tòa, bà vẫn sinh sống tại địa chỉ đã cung cấp cho tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự nộp đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời gian luật định nên xem xét hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung vụ án và kháng cáo ông Th thấy rằng cấp sơ thẩm giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật, bởi 02 con chung đang còn nhỏ, từ khi vợ chồng ly thân đến nay 02 con được bà T nuôi dưỡng, bà T đủ điều kiện nuôi con nên cần ổn định tình trạng nuôi con, tránh xáo trộn tâm lý các cháu. Ông Th kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh bà T không đủ điều kiện nuôi con nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Th. Đối với kháng cáo của bà T yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ/cháu, cấp dưỡng một lần là không có căn cứ, bởi ông Th không chấp nhận và mức cấp dưỡng 1.500.000đ/cháu/tháng là phù hợp. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Thừa và bà Thảo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn, bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét và giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục giải quyết tại cấp sơ thẩm: cấp sơ thẩm đã tiến hành thông báo và mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông Th, bà T đều có mặt, nhưng sau đó bà Th không ký vào biên bản, hòa giải

không thành. Tòa án nhân dân quận Cái Răng tiến hành đưa vụ án ra xét xử. Cấp sơ thẩm tiến hành tổng đạt giấy triệu tập tham gia phiên tòa, do bà T không có nhà nên lập biên bản về việc không tổng đạt được và tiến hành niêm yết theo qui định, sau khi xét xử sơ thẩm xong thì tiến hành tổng đạt bản án cho bà T để bà T thực hiện quyền kháng cáo. Như vậy về trình tự thủ tục xét xử sơ thẩm là đảm bảo đúng theo quy định. Bà T cho rằng, cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng là không có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án và kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, nhận thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Th và bà T xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp, do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà T. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Th vẫn cương quyết ly hôn, bà T thống nhất ly hôn nên cần công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Th và bà T.

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Tấn Th về việc yêu cầu nuôi 02 con chung:

Ông Th cho rằng bà T ngăn cản việc ông thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung nên yêu cầu được nuôi con, nhưng ông không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh, trong khi bà T không thừa nhận.

Ngoài ra, từ khi ông Th và bà T ly thân đến nay, 02 cháu đều do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Th không cấp dưỡng nuôi con, nhưng bà T cũng đảm bảo được cuộc sống ổn định cho 02 cháu, hai cháu đã ổn định tâm lý. Hơn nữa 02 cháu còn nhỏ rất cần sự gần gũi chăm sóc của mẹ. Do đó cấp sơ thẩm xác định nên ổn định tình trạng nuôi con như hiện nay là giao 02 cháu cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, là có cơ sở, nhằm ổn định sự phát triển bình thường và tâm lý của hai cháu.

Tại phiên tòa, ông Th không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh bà T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Thừa.

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu T về việc yêu cầu ông Thừa cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 5.000.000đ/tháng, cấp dưỡng một lần:

Nuôi con là trách nhiệm chung của cha mẹ, tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định “*Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”, bà T yêu cầu ông Thừa cấp dưỡng nuôi con chung là cháu T và cháu Tr là phù hợp. Tuy nhiên Bà T cho rằng, bà có đầy đủ điều kiện nuôi con, bà yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/cháu, cấp dưỡng một lần là để thể hiện trách nhiệm của người cha đối với con, số tiền cấp dưỡng này bà cũng để tiết kiệm cho các con, yêu cầu này là chưa phù hợp. Bởi, ông Th không

chấp nhận, ngoài ra căn cứ điều kiện và mức thu nhập thực tế của ông Th theo bảng lương là 7.500.000đ/tháng nên buộc ông Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ/cháu là phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, thu nhập của ông Th và nhu cầu thiết yếu để nuôi con, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2021 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

Quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí :

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Th phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Án phí phúc thẩm: kháng cáo của ông Th, bà T đều không được chấp nhận nên ông Th, bà T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 55, 81, 82, 83, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Nguyễn Tấn Th và bà Nguyễn Thị Thu T;

Giữ y Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Tấn Th và bà Nguyễn Ngọc Thu T.

2. *Về nuôi con chung*: Giao 02 cháu Nguyễn Tấn T (nam), sinh 15/01/2014 và Nguyễn Ngọc Phúc Tr (nữ), sinh 03/6/2016 cho bà Nguyễn Ngọc Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con:

Ông Nguyễn Tấn Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Tấn T (nam), sinh 15/01/2014 mỗi tháng 1.500.000đ, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 6/2021 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Tấn Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc Phúc Tr (nữ), sinh 03/6/2016 mỗi tháng 1.500.000đ, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 6/2021 cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Tấn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: nếu phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn ông Th phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà ông đã nộp theo biên lai thu tiền số 006417 ngày 16/10/2020. Ông Th phải nộp thêm **300.000đồng**.

- Án phí phúc thẩm:

Ông Nguyễn Tấn Th phải chịu 300.000đ, được khấu từ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 006670 ngày 21/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng. Ông Th đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000đ, được khấu từ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 006688 ngày 03/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng. Bà T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND-TPCT
- TAND Q.Cái Răng
- Các đương sự
- Chi Cục THADS Q.Cái Răng
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quyền

